

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13/5/2024
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tổng Văn Tư

Bà Âu Thị Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 706/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc T chung sống như vợ chồng vào năm 2007, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 66/2016, ngày 04/10/2016. Ông và bà T chung sống với nhau tại nhà ở ấp Mỹ Thị B, xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, đến năm 2009 bà T tự ý dẫn con trai về nhà mẹ ruột ở ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, thời gian sống ly thân ông bà có nhiều lần cãi vã nên không hàn gắn tình cảm được. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn được ly hôn với bà T.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/8/2007, hiện tại đang sống với Ông T. Sau khi ly hôn nếu cháu Hiếu muốn sống với ông thì ông đồng ý nuôi không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp cháu Hiếu muốn sống với mẹ thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Hiếu thành niên và lao động được.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như Ông T trình bày. Thời gian chung sống tại nhà chồng do Ông T không quan tâm đến vợ con, nên bà phải dẫn con về nhà mẹ ruột sống, từ năm 2009 đến nay thỉnh thoảng bà vẫn qua lại phụ giúp mỗi khi nhà chồng có đám tiệc. Giữa bà và Ông T không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nguyên nhân Ông T yêu cầu ly hôn là do bà không thường xuyên quan tâm, chăm sóc chồng. Do còn thương chồng con nên bà không đồng ý ly hôn.

Con chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con một lần 200.000.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con, nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông T và bà T chung sống như vợ chồng năm 2007, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 66/2016, ngày 04/10/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân Ông T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, còn bà Tuyết thì không đồng ý vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà vẫn còn thương chồng và không muốn ảnh hưởng đến việc học tập của con. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Ông T cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm với bà T, thời gian ông bà sống ly thân cũng đã lâu nhưng vẫn không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa, bà T cũng thừa nhận hiện tại bà và Ông T đều có cuộc sống và công việc riêng, bà chỉ tới lui khi nhà chồng có đám tiệc nên cũng không thường xuyên quan tâm đến chồng, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa bà T và Ông T thật sự không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/8/2007, hiện tại đang sống với Ông T tại Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đ. Tuy nhiên, tại bản tự khai cháu Hiếu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, Ông T thì cũng đồng ý giao cháu Hiếu cho bà T nuôi theo nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Hiếu cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiếu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Hiếu thành niên và lao động được. Tuy nhiên, bà T yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con một lần 200.000.000 đồng. Xét thấy, mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu Hiếu ở thời điểm hiện tại và khả năng thực tế tạo ra thu nhập của Ông T, trên ½ mức lương cơ sở đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với phương thức cấp dưỡng: Các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng, bà T yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con một lần 200.000.000 đồng nhưng không được Ông T đồng ý, Ông T có ý kiến cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là đáp ứng nhu cầu thiết yếu và việc học của cháu Hiếu hàng tháng, phù hợp với khả năng tạo ra thu nhập của Ông T nên Hội đồng xét xử quyết định Ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Về thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Hiếu thành niên và lao động được.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Ông T và bà T được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vĩnh T.

1. Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vĩnh T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.

2. Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung H, sinh 25/8/2007 cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi, ông Nguyễn Vĩnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thực hiện kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/5/2024) cho đến khi cháu Nguyễn Trung H thành niên và lao động được.

Kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Vĩnh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ông Nguyễn Vĩnh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Án phí: Ông Nguyễn Vĩnh T phải chịu 600.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014575 ngày 20 tháng 11 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, ông Nguyễn Vĩnh T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- UBND xã Mỹ An, H. Tháp Mười;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thảo Lan

